

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Văn Nga

+ Ông Huỳnh Bình

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai – cơ sở 02 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 (TAND huyện Vĩnh Cửu) về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Văn H, sinh năm 1990

Nơi cư trú: tổ D, ấp C, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: tổ D, ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: bà Phạm Thị N, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: tổ D, ấp C, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: tổ D, ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai).

(Ông H có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị N chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2016 ngày 10/5/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn lại kéo dài. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Trần Văn Huy H1, sinh ngày 15/4/2016, Trần Bảo T, sinh ngày 09/5/2018 và Trần Triệu Thiên H2, sinh ngày 20/11/2021. Ly hôn, ông yêu cầu giao 03 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng/01 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Bản tự khai, quá trình làm việc bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2016 ngày 10/5/2016. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông H không thay đổi. Bà không còn tình cảm với ông H, vợ chồng không thể hàn gắn được nhưng ông H yêu cầu giải quyết ly hôn thì bà không đồng ý, do ông bà chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn H có 03 con chung tên Trần Văn Huy H1, sinh ngày 15/4/2016; Trần Bảo T, sinh ngày 09/5/2018 và Trần Triệu Thiên H2, sinh ngày 20/11/2021. Ly hôn, ông H yêu cầu giao 03 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng/01 con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà chưa thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Tòa án cho bà thêm thời gian.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

** Về tố tụng:*

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.
- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy

định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; về con chung: Giao các cháu Trần Văn Huy H1, sinh ngày 15/4/2016; Trần Bảo T, sinh ngày 09/5/2018 và Trần Triệu Thiên H2, sinh ngày 20/11/2021 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng/01 con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn H khởi kiện bà Phạm Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai); Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai; quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025 thì phiên tòa được mở vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 18/6/2025. Ngày 16/6/2025, Tòa án nhận được “Đơn xin vắng mặt” đề ngày 11/6/2025 của bà Phạm Thị N đề nghị dời phiên tòa sang ngày 03/7/2025 do có lý do bất khả kháng nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 18/6/2025 và mở phiên tòa vào ngày 03/7/2025 theo đề nghị của bà N.

Ngày 03/7/2025, Tòa án nhận được “Đơn xin hoãn phiên tòa” đề ngày 11/6/2025 của bà Phạm Thị N, đề nghị hoãn phiên tòa ngày 03/7/2025 do có việc bận và đề nghị chuyển sang ngày khác nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc đề nghị hoãn phiên tòa của bà N không có lý do chính đáng, là cố tình kéo dài vụ án nên không được chấp nhận.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà N chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 45/2016 ngày 10/5/2016, căn cứ **Điều 9** của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương nơi cư trú cho thấy: quá trình chung sống giữa ông H và bà N có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết do các bên không yêu cầu hòa giải.

Ông H, bà N đều thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần ông, bà và gia đình hai bên hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Bà N không đồng ý ly hôn với ông H do vợ chồng chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản chung. Ông H kiên quyết được ly hôn với bà N do không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà N là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn nên yêu cầu của ông H về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho ông H được ly hôn với bà Phạm Thị N.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà N có 03 con chung tên Trần Văn Huy H1, sinh ngày 15/4/2016; Trần Bảo T, sinh ngày 09/5/2018 và Trần Trần Triệu Thiên H2, sinh ngày 20/11/2021. Ly hôn, ông H và bà N thỏa thuận giao 03 con chung là cháu H1, cháu T và cháu H2 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng/01 con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thỏa thuận của đương sự về việc tranh chấp về nuôi con là tự nguyện nên được ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà Phạm Thị N vẫn không có yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

Ông H, bà N có quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai đề nghị chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn H được ly hôn với bà Phạm Thị N.

- Về con chung: Ông H và bà N có 03 con chung tên Trần Văn Huy H1, sinh ngày 15/4/2016; Trần Bảo T, sinh ngày 09/5/2018 và Trần Triệu Thiên H2, sinh ngày 20/11/2021. Giao 03 con chung là cháu H1, cháu T và cháu H2 cho bà N trực tiếp trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng/01 con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025201 ngày 17/3/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Ông H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường **Trung Dũng**, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung